

Số: 226/2025/QĐ-PQTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét đơn yêu cầu gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên họp: Ông Đỗ Quốc Đạt

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Bà Lê Thị Quỳnh Anh

Thư ký phiên họp: Ông Phạm Ngọc Tâm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Trần Hồng Long, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự thụ lý số 100/2025/TLST-KDTM ngày 09 tháng 05 năm 2025 về việc: “Yêu cầu hủy phán quyết trọng tài” theo Quyết định mở phiên họp số 7345/2025/QĐ-MPH ngày 29 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên họp số 6834/2025/QĐHPH-ST ngày 24/6/2025.

Người yêu cầu: Công ty Cổ phần G

Địa chỉ trụ sở: Số C, Tầng D, Khối tháp V5 & v6 Khu chung cư kết hợp thương mại, Văn phòng Lô V, (S, khu S) và Số B N, phường T, Quận G, (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh - Địa chỉ liên lạc: Số F N, phường B, Quận A, (nay là phường S) Thành phố Hồ Chí Minh - Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T - Địa chỉ liên lạc: Số F N, phường B, Quận A, (nay là phường S), Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần D - Địa chỉ trụ sở: Lô A KCN N, Tỉnh lộ 25B, xã P, huyện N, (nay là xã N), tỉnh Đồng Nai - Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Minh H - Địa chỉ: Lô A KCN N, Tỉnh lộ 25B, xã P, huyện N, (nay là xã N), tỉnh Đồng Nai

Các đương sự có mặt tại phiên họp.

NHẬN THẤY:

Theo đơn yêu cầu ngày 05 tháng 11 năm 2024 và các bản trình bày của người đại diện Công ty Cổ phần G (gọi tắt là Công ty G): Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 124/24 HCM của Trung tâm T5 - Chi nhánh Thành phố H (D) thuộc trường hợp bị hủy do: “Thủ tục tổ tụng trọng tài không phù hợp với thoả

thuận của các bên” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài Thương mại và “Phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài Thương mại, cụ thể:

Hội đồng Trọng tài đã không thực hiện các biện pháp tố tụng cần thiết để xác minh tính khách quan và hợp pháp của chứng cứ là vi phạm quy tắc tố tụng trọng tài, Luật Trọng tài Thương mại. Trong các chứng cứ mà Công ty Cổ phần D (gọi tắt là Công ty D) cung cấp, chứng minh cho nghĩa vụ thanh toán của Công ty G - chứng cứ trực tiếp liên quan đến việc giải quyết vụ tranh chấp có 01 (một) Biên bản xác nhận công nợ ngày 27/07/2023 và 01 (một) Biên bản đối chiếu công nợ phải thu. Căn cứ theo Điều 85 Bộ luật Dân sự 2015 thì *“Đại diện của pháp nhân có thể là đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền”*. Trong hồ sơ khởi kiện, Công ty D cung cấp chứng cứ là Biên bản xác nhận công nợ ngày 27/07/2023 có chữ ký của ông Nguyễn Văn H1 với chức vụ là Giám đốc kỹ thuật - chất lượng của Công ty G. Trên thực tế, ông Nguyễn Văn H1 không phải là người đại diện hợp pháp của Công ty G theo quy định nêu trên và không có thẩm quyền đại diện Công ty G ký kết văn bản này. Do đó, Công ty G không đồng ý với chứng cứ mà Công ty D cung cấp. Theo đó, Biên bản xác nhận công nợ ngày 27/07/2023 mà Công ty D cung cấp đến VIAC là không có hiệu lực pháp luật.

Trong hồ sơ khởi kiện, Công ty D cũng cung cấp Biên bản đối chiếu công nợ phải thu được ký bởi Mạch Văn T1 và Nguyễn Thị Thanh U cũng không được ký bởi đại diện có thẩm quyền của hai bên, đồng thời nội dung cũng chỉ liệt kê các hóa đơn được xuất, không thể hiện được rằng Công ty D đã cung cấp hồ sơ thanh toán đầy đủ và hợp lệ theo quy định Hợp Đồng cho Công ty G. Do đó, biên bản đối chiếu công nợ phải thu này không có giá trị cũng như hiệu lực thi hành để xác định nghĩa vụ thanh toán của Công ty G. Tuy nhiên, Hội đồng Trọng tài, mặc dù với những ý kiến như trên của Công ty G, vẫn cho rằng căn cứ 02 chứng cứ nói trên là có cơ sở để thể hiện Công ty G còn nợ Công ty D số tiền 5.382.951.646 đồng (như được nêu tại mục 34 của Phán Quyết Trọng Tài) mà không thực hiện các biện pháp tố tụng cần thiết để xác minh tính khách quan và hợp pháp của chứng cứ.

Theo các quy định của Hợp Đồng về việc thanh toán như tại Điều 5.4, việc thực hiện thanh toán giá trị công việc hoàn thành theo Hợp Đồng cho Công ty D chỉ được thực hiện/diễn tra với điều kiện Công ty D cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán cũng như đáp ứng các điều kiện được quy định tương ứng với từng đợt thanh toán. Trong hồ sơ Công ty D nộp kèm đơn khởi kiện, không thể hiện được việc Công ty D đã hoàn thiện và gửi đến cho Công ty G bất kỳ bộ hồ sơ thanh toán đầy đủ nào theo đúng quy định tại Điều 5.4 của Hợp Đồng. Công ty D chỉ đính kèm theo đơn khởi kiện các hồ sơ mà Công ty D cho rằng đã đủ điều

kiện đề yêu cầu Công ty G thanh toán: (i) 01 Biên bản xác nhận công nợ ngày 27/07/2023 không được ký bởi đại diện có thẩm quyền của Công ty G và 01 Biên bản đối chiếu công nợ phải thu (*vốn không có giá trị cũng như hiệu lực thi hành để xác định nghĩa vụ thanh toán của Công ty G*); (ii) 19 hóa đơn được xuất bởi Công ty D. Công ty G có đề nghị Công ty D cung cấp bản gốc hồ sơ thanh toán hợp lệ như trình bày ở trên để Công ty G kiểm tra, đối chiếu và tiến hành thanh toán giá trị công việc được nghiệm thu theo quy định cho Công ty D. Tại Phiên họp giải quyết tranh chấp mở ngày 10/09/2024, Công ty D có cung cấp các Biên bản giao nhận hồ sơ tương ứng với các hóa đơn Giá trị gia tăng (như đã nêu tại mục 16 của Phán Quyết T). Tuy nhiên, Hội đồng trọng tài không xem xét, đánh giá chi tiết các hồ sơ mà Công ty D cho rằng đã bàn giao cho Công ty G thực tế có phù hợp và đáp ứng đủ điều kiện thanh toán theo quy định của Hợp Đồng đã ký kết hay không, mà trực tiếp kết luận rằng Công ty D “*đã cung cấp bộ hồ sơ thanh toán đầy đủ theo quy định tại Điều 5.4.2 của Hợp đồng cho Công ty G*” (như được nêu tại mục 34 của Phán Quyết T). Bên cạnh đó, Hội đồng Trọng tài cũng đã nhận biết được tầm quan trọng của việc xác thực, đánh giá chi tiết các chứng từ trong hồ sơ thanh toán mà Công ty D đã gửi cho Công ty G để làm căn cứ xác định nghĩa vụ thanh toán của Công ty G. Việc này thể hiện rõ ở việc Hội đồng Trọng tài đã yêu cầu Công ty D cung cấp “*các chứng từ trong hồ sơ thanh toán mà Công ty D đã gửi cho Công ty G theo Điều 5.4.2 của Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa trong nước số 1512/2020/HĐNT/GMC-DID/NVW.HT ký ngày 15/12/2020*” như đề cập tại văn bản số 2841/VIAC-HCM đề ngày 05/9/2024 mà D đã gửi Công ty D. Mặc dù đã yêu cầu cung cấp nhưng cho đến thời điểm Phiên họp cuối cùng, Công ty D chưa cung cấp được theo yêu cầu và Hội đồng Trọng tài đã bỏ qua việc xác minh các chứng từ này. Công ty G cho rằng sự thiếu sót này đã ảnh hưởng lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty G, bởi các chứng cứ này chính là chứng cứ liên quan trực tiếp đến việc giải quyết vụ án. Đồng thời, các Biên bản giao nhận hồ sơ nói trên cũng được ký bởi người không phải là người đại diện hợp pháp của Công ty G. Việc Hội đồng Trọng tài không thực hiện các biện pháp tố tụng cần thiết để xác minh tính khách quan và hợp pháp của các chứng cứ Biên bản giao nhận này vi phạm nghiêm trọng tố tụng trọng tài và Luật Trọng tài thương mại. Đặc biệt, khi các Biên bản giao nhận này được Hội đồng Trọng tài xem xét là một trong các chứng cứ quan trọng nhất trong việc xác định nghĩa vụ thanh toán của Công ty G.

Giấy ủy quyền của Công ty D cho bà Nguyễn Minh H và ông Lê Thuận P tham gia tố tụng là không có hiệu lực đối với vụ tranh chấp này dẫn tới việc bà H và ông P không có quyền đại diện tham gia tố tụng, ký, nộp hồ sơ, văn bản, tham gia, có ý kiến tại các phiên họp giải quyết cũng như các thực hiện các công việc liên quan khác đối với vụ tranh chấp này, cụ thể: Theo Giấy ủy quyền số

46/UQ/2024 đề ngày 6/5/2024, là Giấy ủy quyền tham gia tố tụng tại VIAC duy nhất của Công ty D theo hồ sơ vụ tranh chấp số 46/UQ/2024 cho 2 cá nhân là bà Nguyễn Minh H và ông Lê Thuận P, tại mục Phạm vi ủy quyền, bà H và ông P được ủy quyền liên hệ VIAC tại Thành phố Hồ Chí Minh để nộp hồ sơ tại Trung tâm trọng tài với Công ty G là Công ty Cổ phần T6, không phải vụ tranh chấp này với Công ty G. Phán Quyết Trọng Tài được Hội đồng Trọng tài lập dựa trên các ý kiến, văn bản, sự tham gia tố tụng trọng tài của bà Nguyễn Minh H và ông Lê Thuận P khi không được ủy quyền hợp lệ theo quy định của pháp luật là vi phạm nghiêm trọng tố tụng trọng tài.

Công ty G đã không nhận được Thông báo, đơn khởi kiện, thỏa thuận trọng tài và các tài liệu có liên quan kịp thời và hợp pháp theo quy tắc tố tụng trọng tài và Luật Trọng tài Thương mại dẫn tới việc không đảm bảo được quyền liên quan của Công ty G. Theo Điều 32 Luật Trọng tài Thương mại, Điều 8 Quy tắc tố tụng trọng tài VIAC thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày VIAC nhận được Đơn khởi kiện, thỏa thuận trọng tài, các tài liệu khác có liên quan và phí trọng tài theo quy định của Quy tắc tố tụng, VIAC gửi tới Công ty G các Thông báo, Đơn khởi kiện, thỏa thuận trọng tài và các tài liệu khác có liên quan. Ngày 14/5/2024, D nhận được Đơn khởi kiện đề cùng ngày và các tài liệu kèm theo. Tuy nhiên, đến ngày 27/5/2024, Công ty G mới nhận được Thông báo số 1496/VIAC-HCM kèm theo Đơn khởi kiện, thỏa thuận trọng tài và các tài liệu có liên quan của Công ty D (đã vượt quá 10 ngày so với quy định tại Quy tắc trọng tài). Công ty G đã không nhận được Phán quyết Trọng tài kịp thời và hợp pháp theo quy tắc tố tụng trọng tài và Luật Trọng tài Thương mại dẫn tới việc không đảm bảo được quyền liên quan của Công ty G. Theo Khoản 4 Điều 61 Luật Trọng tài Thương mại, Khoản 4 Điều 32 Quy tắc tố tụng trọng tài VIAC thì Phán quyết trọng tài phải được gửi cho các bên ngay sau ngày ban hành. Phán Quyết Trọng Tài được Hội đồng Trọng tài ban hành vào ngày 09/10/2024. Tuy nhiên, đến ngày 11/10/2024, Công ty G mới nhận được từ D (dựa trên dấu bưu điện đóng ngoài bì thư mà VIAC gửi và thông tin bưu gửi chi tiết tra cứu trên E mà Công ty G nộp đến Tòa án).

Phán Quyết Trọng Tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam: Vi phạm nguyên tắc Trọng tài viên phải tôn trọng thỏa thuận của các bên nếu thỏa thuận đó không vi phạm điều cấm và trái đạo đức xã hội theo khoản 1 Điều 4 Luật Trọng tài Thương mại và nguyên tắc tự do, tự nguyện thỏa thuận trong hoạt động thương mại theo Điều 11 Luật Thương mại, cụ thể:

Khoản 1 Điều 11 Luật Thương mại quy định Nguyên tắc tự do, tự nguyện thỏa thuận trong hoạt động thương mại: *“1. Các bên có quyền tự do thỏa thuận không trái với các quy định của pháp luật, thuần phong mỹ tục và đạo đức xã hội để xác lập các quyền và nghĩa vụ của các bên trong hoạt động thương mại. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ các quyền đó”*. Khoản 1 Điều 4 Luật Trọng tài

Thương mại quy định: “1. Trọng tài viên phải tôn trọng thoả thuận của các bên nếu thoả thuận đó không vi phạm điều cấm và trái đạo đức xã hội”. Tại Điều 12.2 Hợp Đồng, các Bên thoả thuận như sau: “(a) Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan tới Hợp Đồng này trước tiên sẽ được giải quyết thông qua thương lượng giữa Các Bên trên tinh thần thiện chí - (b) Trong trường hợp tranh chấp không thể giải quyết thông qua hòa giải như quy định tại Điều 12.2(a) nêu trên, các tranh chấp này sẽ được giải quyết bằng Trung Tâm T5 bên cạnh Phòng T7 (D) theo Quy tắc Trọng tài của D. Việc phân xử sẽ được thực hiện ở D tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và ngôn ngữ sử dụng trong thủ tục tố tụng là tiếng Việt và Luật áp dụng là Luật Việt Nam”. Theo thoả thuận các bên, khi có tranh chấp phát sinh liên quan đến Hợp Đồng, các bên trước tiên sẽ giải quyết thông qua thương lượng giữa các bên trên tinh thần thiện chí. Tuy nhiên, cho đến thời điểm nhận được Đơn khởi kiện cũng như Thông báo về vụ tranh chấp của D, Công ty G nhận thấy Các Bên chưa thực hiện việc thương lượng để giải quyết tranh chấp nếu có phát sinh. Bởi lẽ, hơn ai hết, Công ty G thật sự muốn giải quyết các vấn đề liên quan đến thực hiện Hợp Đồng thông qua con đường đàm phán, thương lượng. Nhưng Công ty G, sau khi có rà soát kiểm tra lại với các nhân sự phụ trách của Công ty G (một số đã nghỉ việc), thì không nhận được thông tin liên hệ của Công ty D để đàm phán, thương lượng giải quyết tranh chấp. Bởi lẽ đó, Công ty D chưa có quyền khởi kiện dẫn đến Hội đồng trọng tài không có thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp do tại thời điểm khởi kiện, Công ty D chưa thực hiện bước giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng như đã thoả thuận. Việc Hội đồng Trọng tài bỏ qua việc xác minh, làm rõ việc thoả thuận của các bên mà trực tiếp thụ lý giải quyết vụ tranh chấp khi Công ty D chưa thực hiện bước giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng như đã thoả thuận là vi phạm nguyên tắc Trọng tài viên phải tôn trọng thoả thuận của các bên nếu thoả thuận đó không vi phạm điều cấm và trái đạo đức xã hội theo khoản 1 Điều 4 Luật Trọng tài Thương mại và nguyên tắc tự do, tự nguyện thoả thuận trong hoạt động thương mại theo Điều 11 Luật Thương mại.

Vi phạm nguyên tắc bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của các bên tranh chấp trong giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài theo Điều 4 Luật Trọng tài Thương mại: Tại Bản tự bảo vệ bổ sung đề ngày 6/9/2024, Công ty G cũng yêu cầu Công ty D cung cấp bản gốc hồ sơ thanh toán hợp lệ như trình bày ở trên để Công ty G kiểm tra, đối chiếu và tiến hành thanh toán giá trị công việc được nghiệm thu theo quy định cho Công ty D; cũng như cung cấp chứng cứ là tài liệu, hồ sơ chứng minh đã bàn giao hồ sơ thanh toán hợp lệ đến Công ty G. Đây cũng tương ứng với 2 nghĩa vụ trọng yếu của Công ty D, đó là (i) Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ và (ii) Bàn giao hồ sơ thanh toán hợp lệ này đến Công ty G. Nhưng Phán Quyết Trọng T2 lại không ghi nhận yêu cầu của Công

ty G, cũng như không ghi nhận việc Công ty D chưa cung cấp được chứng cứ bản gốc hồ sơ thanh toán hợp lệ như trình bày để làm cơ sở giải quyết. Điều này là vi phạm nguyên tắc bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của các bên tranh chấp trong giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài theo Điều 4 Luật Trọng tài Thương mại. Vi phạm nguyên tắc tự do, tự nguyện cam kết trong lĩnh vực thương mại quy định tại Điều 11 Luật Thương mại và Điều 3 của Bộ luật Dân sự. Theo quy định tại Hợp đồng, các bên đã tự nguyện thỏa thuận về việc thanh toán: “5.4.2 Bên Mua thanh toán hàng tháng cho Bên Bán đến 100% giá trị của từng đợt cung cấp hàng hóa và 100% thuế GTGT tương ứng trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày Bên Bán cung cấp hồ sơ thanh toán đầy đủ và hợp lệ cho Bên Mua, bao gồm: (a) T3 đề nghị thanh toán; (b) Hóa đơn GTGT hợp lệ; (c) Phiếu giao hàng của từng đợt cung cấp hàng hóa; (d) Bảng tổng hợp khối lượng, giá trị có xác nhận của đại diện hai bên; (e) Biên bản xác nhận khối lượng, giá trị, chất lượng sau khi test mẫu bê tông đạt 100% cường độ thiết kế, test mẫu chống thấm không thấm và đạt (nếu có) có chữ ký đại diện các bên”. Theo đó, nghĩa vụ thanh toán của Công ty G chỉ phát sinh sau khi Công ty G nhận được đầy đủ bản gốc hồ sơ thanh toán hợp lệ theo quy định trên. Thỏa thuận này không trái pháp luật, đạo đức xã hội nhưng Hội đồng trọng tài không ghi nhận sự thỏa thuận đó của các bên trong phán quyết trọng tài mà chỉ căn cứ vào các Biên bản giao nhận hồ sơ do Công ty D cung cấp mà không thực hiện xác minh tính hợp lệ của hồ sơ thanh toán có đáp ứng thỏa thuận của các bên tại Hợp Đồng hay không để giải quyết vụ tranh chấp. Trong trường hợp này, Phán Quyết T đã vi phạm nguyên tắc tự do, tự nguyện cam kết trong lĩnh vực thương mại quy định tại Điều 11 Luật Thương mại và Điều 3 Bộ luật Dân sự.

Từ những căn cứ nêu trên, Công ty C đề nghị Hội đồng xét đơn xác minh, xem xét và chấp thuận yêu cầu hủy Phán quyết Trọng tài Vụ tranh chấp số 124/24 HCM được lập ngày 09/10/2024 tại VIAC theo như trình bày trên.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty D: Công ty D không đồng ý với yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài Vụ tranh chấp số 124/24 HCM, ngày 09/10/2024 của D vì Phán quyết trọng tài Vụ tranh chấp số 124/24 HCM ngày 09/10/2024 của VIAC không thuộc một trong các trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài Thương mại năm 2010 và Điều 14, Điều 15 của Nghị Quyết số 01/2014/NQ-HĐTP/TANDTC ngày 20/3/2014 nên không có cơ sở để hủy Phán quyết trọng tài, cụ thể như sau:

Về thỏa thuận Trọng tài: Hai bên có thỏa thuận Trọng tài, quy định tại Điều 12.2 của Hợp đồng nguyên tắc Số:1512/2020/HĐNT/GMC-DID/NVW.HT ký ngày 15/12/2020 quy định về giải quyết tranh chấp như sau: “*Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan tới Hợp đồng này trước tiên sẽ được giải quyết thông qua thương lượng giữa Các bên trên tinh thần thiện chí. Trong trường hợp tranh chấp không thể giải quyết thông qua hòa giải như quy định tại Điều*

12.2 (a) nêu trên, các tranh chấp này sẽ được giải quyết bằng VIAC theo Quy tắc Trọng tài của D. Việc phân xử sẽ được thực hiện ở D tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam....”. Thành phần Hội đồng Trọng tài, thủ tục tổ tụng Trọng tài tuân thủ quy định tại Điều 40 Luật TTTM 2010 và Điều 12 Quy tắc tổ tụng trọng tài của D. Công ty C chọn ông Phạm Quốc T4 làm Trọng tài viên. Trong quá trình giải quyết hai bên không phản đối thành phần của Hội đồng Trọng tài. Thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài: Vụ tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng mua bán hàng hóa trong nước (hàng hóa là Bê tông xi măng thương phẩm) phục vụ cho các công trình của bên mua hoặc do bên mua đề xuất. Đây là tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại nên căn cứ Điều 2 Luật Trọng tài Thương mại vụ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Trọng tài.

Chứng cứ do các bên cung cấp không giả mạo: Ngày 24/5/2024, D đã gửi đến Công ty C Thông báo số 1496/VIAC-HCM kèm theo Đơn khởi kiện và các tài liệu có liên quan do Công ty D cung cấp, Công ty C không có ý kiến nào cho rằng tài liệu giả mạo. Công ty D cam kết, chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án là sự thật, khách quan.

Phán quyết trọng tài không trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Căn cứ khoản 5 Điều 297 Luật Thương mại năm 2005 quy định: “Trường hợp bên vi phạm là bên mua thì bên bán có quyền yêu cầu bên mua trả tiền”. Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 quy định Quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán: “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”. Căn cứ Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì mức lãi suất 13,5%/năm là phù hợp quy định pháp luật.

Đây là bản ý kiến của Công ty D về yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài của Công ty C, đề nghị Hội đồng xét đơn xem xét và giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật.

Tại phiên họp, người yêu cầu vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ việc từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ việc, Tòa án có quyết định mở phiên họp và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời

hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng mở phiên họp: Tại phiên họp hôm nay, phiên họp tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu của Công ty C về việc hủy Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 124/24 HCM ngày 09/10/2024 của D.

XÉT THẤY:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết*: Đây là việc dân sự về yêu cầu kinh doanh thương mại liên quan đến việc Trọng tài thương mại Việt Nam giải quyết tranh chấp, nơi Hội đồng trọng tài tuyên phán quyết trọng tài là Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 31, Điểm b Khoản 1 Điều 37, Điểm o Khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 2, Khoản 3 Điều 7 Luật Trọng tài thương mại năm 2010, yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thời hiệu*: Ngày 09 tháng 10 năm 2024 là ngày công bố Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 124/24 HCM, ngày 06 tháng 11 năm 2024 Công ty C nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy phán quyết trọng tài là còn trong thời hạn theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Trọng tài Thương mại.

[3] *Về việc ủy quyền*: Công ty C là người yêu cầu đã ủy quyền hợp lệ cho ông Nguyễn Văn T theo Giấy ủy quyền được lập số 05/2024-UQ.DD-GMC ngày 04 tháng 11 năm 2024; Công ty D ủy quyền cho bà Nguyễn Minh H theo giấy ủy quyền được lập ngày 06/6/2025, các bên đã có văn bản ủy quyền hợp lệ, phù hợp theo quy định tại Điều 85 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

[4] *Về nội dung*: Xét Công ty C yêu cầu hủy phán quyết trọng tài vì các lý do:

[4.1] Công ty C cho rằng: Biên bản xác nhận công nợ ngày 27/07/2023 và Biên bản đối chiếu công nợ phải thu ngày 27/07/2023 mà Công ty Cổ phần D (gọi tắt là Công ty D) cung cấp đến VIAC là không có hiệu lực pháp luật vì người ký biên bản này không có thẩm quyền, không phải là đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được ủy quyền hợp lệ và chưa cung cấp đủ hồ sơ thanh toán, Xét: Hai bên ký kết hợp đồng về việc cung cấp bê tông thành phẩm. Thực hiện hợp đồng Công ty D đã cung cấp bê tông cho Công ty G đúng chất lượng, số lượng mà hai bên đã thỏa thuận. Hai bên đã có Biên bản đối chiếu công nợ thực tế và Công ty D đã xuất hóa đơn cho Công ty G. Phiên họp giải

quyết tại VIAC Công ty D đã cung cấp đầy đủ tài liệu chứng cứ và đã được D nhận định tại các Mục 34.35.36.37. Do đó yêu cầu này của Công ty G là không có cơ sở. Hơn nữa, căn cứ khoản 4 Điều 71 Luật Trọng tài Thương mại 2010: *“Khi xét đơn yêu cầu, Hội đồng xét đơn yêu cầu căn cứ vào các quy định tại Điều 68 của Luật này và các tài liệu kèm theo để xem xét, quyết định; không xét xử lại nội dung vụ tranh chấp mà Hội đồng trọng tài đã giải quyết”*, và khoản 2 Điều 15 Nghị quyết số. 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao: *“Khi xét đơn yêu cầu, Hội đồng xét đơn không xét lại nội dung vụ tranh chấp”*. Do đó, yêu cầu này của Công ty G thuộc về nội dung phán quyết nên không có cơ sở để xem xét.

[4.2] Công ty C cho rằng: Giấy ủy quyền của Công ty D ủy quyền cho bà Nguyễn Minh H và ông Lê Thuận P tham gia tố tụng tại D là không có hiệu lực; Công ty G đã không nhận được Thông báo, đơn khởi kiện, thỏa thuận trọng tài và các tài liệu có liên quan kịp thời và hợp pháp theo quy tắc tố tụng trọng tài và Luật Trọng tài Thương mại dẫn tới việc không đảm bảo được quyền liên quan của Công ty G; Công ty G đã không nhận được Phán quyết Trọng tài kịp thời và hợp pháp theo quy tắc tố tụng trọng tài và Luật Trọng tài Thương mại dẫn tới việc không đảm bảo được quyền liên quan của Công ty G, Xét: Công ty G việc Công ty D ủy quyền cho bà Nguyễn Minh H và ông Lê Thuận P tham gia tố tụng tại D là không có hiệu lực nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh. Đồng thời, căn cứ vào Mục 1 cho đến Mục 11 của Phán quyết cho thấy việc VIAC gửi tài liệu chứng cứ cho Công ty G là phù hợp với quy định của luật trọng tài thương mại 2010 và quy tắc VIAC, Công ty G cho rằng không nhận được Phán quyết Trọng tài kịp thời và hợp pháp theo quy tắc tố tụng trọng tài và Luật Trọng tài Thương mại dẫn tới việc không đảm bảo được quyền lợi của mình nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh là quyền lợi của mình bị ảnh hưởng là quyền lợi gì. Hơn nữa, quyền lợi chính đáng của Công ty G là có quyền yêu cầu hủy phán quyết trọng tài đã được bảo đảm thực hiện. Do đó, yêu cầu này của Công ty G là không có cơ sở xem xét.

[4.3] Công ty C cho rằng: Theo như thỏa thuận các bên, khi có tranh chấp phát sinh liên quan đến Hợp Đồng, các bên trước tiên sẽ giải quyết thông qua thương lượng giữa các bên trên tinh thần thiện chí. Tuy nhiên, cho đến thời điểm nhận được Đơn khởi kiện cũng như Thông báo về vụ tranh chấp của D, Công ty G nhận thấy Các Bên chưa thực hiện việc thương lượng để giải quyết tranh chấp nếu có phát sinh, Xét: Như nhận định tại Mục 2., ngày 14/5/2024 Công ty D khởi kiện ra VIAC, ngày 17/5/2024 D gửi hồ sơ tài liệu cho Công ty G, ngày 26/5/2024 Công ty G gửi bản ý kiến và tài liệu chứng cứ và thư chỉ định Trọng tài viên ...cho đến ngày 09/10/2024 là ngày ban hành phán quyết số 124/24 HCM thì Công ty G không có văn bản hay đơn khiếu nại nào về việc vi phạm sự thỏa thuận về việc hòa giải thương lượng tiền tố tụng giữa các bên, Công ty G

chấp nhận việc khởi kiện của Công ty D, chấp nhận việc chỉ định trọng tài viên, thành lập Hội đồng trọng tài để giải quyết vụ việc mà không khiếu nại hay có văn bản phản đối nào. Do đó yêu cầu này của Công ty G là không có cơ sở xem xét.

[4.4] Tại phiên họp hôm nay, đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu về việc hủy phán quyết trọng tài của Công ty G, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét đơn nên chấp nhận.

[4.5] Từ những nhận định trên, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của Công ty G.

[5] Về lệ phí: Căn cứ Khoản 3 Điều 39 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành thì trường hợp yêu cầu hủy phán quyết trọng tài phải chịu lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, trong phần danh mục lệ phí Tòa án thì lại không có quy định mức lệ phí phải chịu đối với loại việc này. Vì vậy, chưa đủ căn cứ để tính lệ phí cho Công ty G.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 31, điểm a khoản 3 Điều 38, khoản 3 Điều 414 và Điều 415 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025;

Căn cứ khoản 1 Điều 43, Điều 68, khoản 1 Điều 69, Điều 71, Điều 72 Luật Trọng tài thương mại 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Trọng tài Thương mại năm 2010;

Căn cứ Khoản 3 Điều 39 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần G về việc hủy Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 124/24 HCM, ngày 09/10/2024 của Trung tâm T5 bên cạnh Phòng T7 - Chi Nhánh Thành Phố H.

2. Công ty Cổ phần G không phải chịu lệ phí.

3. Quyết định này là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, tức ngày 22 tháng 7 năm 2025. Các bên, Hội đồng Trọng tài không có quyền khiếu nại, kháng cáo, Viện Kiểm sát không có quyền kháng nghị.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa Phúc thẩm TANDTC tại TP HCM;
- Viện Công tố và KSXXPT tại TP HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THA DS TP HCM;
- Hội đồng trọng tài;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT ĐƠN YÊU CẦU
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Đỗ Quốc Đạt